TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 14-01-2022
V/v "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Bùi Đức Hảo
+ Ông Trần Bình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2020/TLST-DS ngày 25/12/2020 về "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 10/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1978.

2. Ông Nguyễn Hiếu H, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Diệu T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 904 Khối B, Chung cư C, phường B, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thanh X, sinh năm 1974.

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970

4. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1976.

5. Bà Trần Thị K, sinh năm 1959.

6. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1980.

7. Ông Bằng Hữu Đ, sinh năm 1975. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đạt: Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1980.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1981.

9. Bà Phạm Kim Th, sinh năm 1984.

10. Bà Nguyễn Thị Z, sinh năm 1968.

11. Bà Nguyễn Kiều H, sinh năm 1985.

12. Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1974.

13. Bà Tôn Thị T1, sinh năm 1980.

14. Ông Bằng Hữu C, sinh năm 1985.

15. Bà Nguyễn Thị Giáng N1, sinh năm 1989. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga: Ông Bằng Hữu C, sinh năm 1985.

16. Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1969.

17. Ông Võ Chí T2, sinh năm 1971.

18. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1983.

19. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

20. Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1977.

21. Bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1980.

22. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1979.

23. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1973.

24. Bà Võ Thị G, sinh năm 1992.

25. Bà Võ Thị Đăng K, sinh năm 1969.

26. Bà Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

27. Ông Tôn Văn T6, sinh năm 1978.

28. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

29. Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Long An. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An.

(Bà Ngô Thị Đ, ông Nguyễn Hiếu H, bà Nguyễn Diệu T, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị Y, ông Bằng

Hữu Đ, bà Nguyễn Kiều H, ông Nguyễn Thanh A, ông Võ Chí T2, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị T5, bà Võ Thị G, ông Tôn Văn T6, bà Nguyễn Thị Thu H1, Chi cục Thi hành án dân sự vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn yêu cầu xác định tài sản để thi hành án ngày 15/12/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Bà Ngô Thị Đ là người phải thi hành cho bà số tiền 25.000.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 88/QĐ-CCTHADS ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng. Ngày 14/12/2020 Chi cục Thi hành án dân sự có Thông báo số 104/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Qua thông tin bà biết vợ chồng bà Ngô Thị Đ, ông Nguyễn Hiếu H có các tài sản sau:

- Diện tích đất 11.867m^2 thuộc thửa 129 và 2.661m^2 thuộc thửa 880 cùng tờ bản đồ số 7 do ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- Diện tích đất 4.950m^2 thuộc thửa số 305 và 4.530m^2 thuộc thửa 306 cùng tờ bản đồ số 11 do ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- Diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 và 80m^2 đất ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8 do hộ ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại xã K, huyện V, tỉnh Long An.

Nên bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ là ½ giá trị tất cả các diện tích nêu trên. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/01/2021, biên bản hòa giải ngày 06/4/2021 bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ là ½ giá trị đối với diện tích 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5 (căn nhà trên đất), tờ bản đồ số 11-7 và ½ giá trị diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8. Đối với 04 thửa đất 305, 306 tờ bản đồ số 11; thửa 129, 880 tờ bản đồ số 7 đồng ý là tài sản riêng của ông Nguyễn Hiếu H.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ là ½ giá trị đối với diện tích 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5 (căn nhà trên đất), tờ bản đồ số 11-7 và ½ giá trị diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8. Đối với thửa đất 305, 306 tờ bản đồ số 11; thửa 129 tờ bản đồ số 7 đồng ý là tài sản riêng của ông Nguyễn Hiếu H.

- Bị đơn ông Nguyễn Hiếu H trình bày: Năm 1991, sau khi ông hoàn thành nghĩa vụ quân sự Đoàn XDKT Đồng Tháp 1 có cấp cho ông diện tích đất 2,2ha. Trong 2,2ha đất thì Nhà nước quy hoạch múc kênh T10 hết 0,8ha còn lại của ông 1,4ha, Nhà nước có bồi thường tiền cho ông nên ông sử dụng khoản tiền

đó có mua 02 thửa đất ruộng diện tích đất 4.950m^2 thuộc thửa số 305 và 4.530m^2 thuộc thửa 306 cùng tờ bản đồ số 11 do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy phần diện tích đất trên là của riêng ông (gồm diện tích đất 4.950m^2 thuộc thửa số 305 và 4.530m^2 thuộc thửa 306 cùng tờ bản đồ số 11; Diện tích đất 11.867m^2 thuộc thửa 129 và 2.661m^2 thuộc thửa 880 cùng tờ bản đồ số 7).

Vợ chồng ông chỉ có tài sản chung là diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5 (căn nhà trên đất), tờ bản đồ số 11-7 và 80m^2 đất ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8. Do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại xã K, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày tại bản tự khai ngày 15/01/2021: Tài sản đất ruộng 2,2 ha là của ông Nguyễn Hiếu H đi nghĩa vụ do Đoàn kinh tế Đồng Tháp cấp năm 1991 trước khi bà kết hôn với ông H. Bà xác định là đất ruộng là của chồng bà là ông H. Còn tài sản chung của bà và chồng bà là nhà ở và 01 nền nhà ở ấp G, xã K. Bà xác định nhà ở và 01 nền nhà có 01 nữa của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Diệu T (con của bà Đ và ông H): Không thể hiện ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh X trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2021: Bà là em gái của ông Nguyễn Hiếu H, vợ chồng bà là người đang sử dụng đất nông nghiệp khoảng 02 ha do ông H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thỏa thuận bà đứng ra trả nợ mà ông H vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khoảng 43.000.000 đồng và một số khoản khác, tổng cộng 70.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông H còn nợ bà tiền vay 600.000.000 đồng và nợ hụi trên 600.000.000 đồng nhưng bà không thực hiện việc khởi kiện mà để tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ (chồng của bà X): Không thể hiện ý kiến.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có: Bà Tôn Thị T1, ông Bằng Hữu C, bà Nguyễn Thị Giáng N1, bà Trần Thị K, bà Đặng Thị Y, ông Bằng Hữu Đ, bà Nguyễn Kiều H, bà Nguyễn Thị Z, bà Phạm Kim T5, bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà Ngô Thị Đ là người phải thi hành án cho ông, bà theo các quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, ông bà đồng ý theo yêu cầu của bà D và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có: Ông Nguyễn Thanh A, bà Lê Thị Kim D, ông Võ Chí T2, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Lê Thị Kim T3, bà Trần Thị T4, bà Phạm Thị T5, ông Tôn Văn T6, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Võ Thị G, bà Võ Thị Đăng K, bà Phạm Thị Trúc L trình bày: Bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H là người phải thi hành án cho ông bà theo các quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, ông bà đồng ý theo yêu cầu của bà D và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự V trình bày tại Công văn số 382/CCTHADS ngày 28/4/2021: Hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đang thụ lý và tổ chức thi hành án đối với ông Nguyễn Hiếu H và bà Ngô Thị Đ với tổng số 39 việc thi hành án và số tiền phải thi hành là 4.436.942.500 đồng. Trong đó, gồm 21 việc bồi thường (bà Đ và ông H liên đới thi hành 11 việc) với tổng số tiền phải thi hành là 4.270.193.000 đồng (ông H, bà Đ phải liên đới thi hành số tiền 3.301.543.000 đồng) và 18 việc án phí (ông H, bà Đ phải liên đới thi hành 11 việc) nộp vào ngân sách Nhà nước với số tiền 166.749.500 đồng (ông H, bà Đ phải liên đới thi hành số tiền 150.208.000 đồng) và đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Đương sự chấp hành tương đối theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; thời kỳ xác lập hôn nhân giữa ông H và bà Đ và nguồn gốc các diện tích đất có tranh chấp cũng như văn bản xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền về nguồn gốc đất và về việc thay đổi hiện trạng đất của ông H và bà Đ. Căn cứ biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng (BL 206-207) thì những người trong hộ gia đình của ông Hiền là bà Nguyễn Diệu T; ông Nguyễn Thanh B thừa nhận phần diện tích đất tại thửa 129 tờ bản đồ số 7 và diện tích đất tại thửa 305, 306 cùng tờ bản đồ số 11; phần diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 và diện tích đất 80m^2 ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8, tọa lạc tại xã K, huyện V, Long An do hộ ông Nguyễn Hiếu H và ông Nguyễn Hiếu H đứng tên là tài sản riêng của ông Nguyễn Hiếu H và bà Ngô Thị Đ tạo lập; ông B và bà T không có yêu cầu hay ý kiến gì về tài sản trên. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2021 của Tòa án (BL 265) bà X trình bảy phần diện tích đất tại thửa 129 tờ bản đồ số 7 và diện tích đất tại thừa số 305, 306 cùng tờ bản đồ số 11 là tài sản riêng của ông H, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ kiện. Mặt khác, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn xét thấy giữa nguyên dơn và bị đơn đều thống nhất phần sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Ngô Thị Đ là ½ giá trị diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5 (căn nhà trên đất), tờ bản đồ số 11-7 và diện tích đất 80m^2 ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8, tọa lạc tại xã K, huyện V, Long An do hộ ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về diện tích các thửa số 129 tờ bản đồ số 7 và diện tích đất tại thửa 305, 306 tờ bản đồ số 11, tất cả tọa lạc tại xã K, huyện V, Long An do ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông H. Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định diện tích đất 80m^2 đất ở nông thôn gắn liền với nhà ở thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 và diện tích đất

80m^2 đất ở nông thôn thửa số 23 tờ bản đồ số 11-8, tọa lạc tại xã K, huyện V, Long An do hộ ông Nguyễn Hiếu H là tài sản chung giữa ông H và bà Đ; còn các diện tích đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 7 và diện tích đất tại thửa 305, 306 tờ bản do số 11, tất cả tọa lạc tại xã K, huyện V, Long An do ông Nguyễn Hiếu H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng dất là tài sản riêng của ông H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà D và ông H, bà Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị K; bà Đặng Thị Y; ông Băng Hữu Đ; bà Nguyễn Thị Thanh N; bà Phạm Kim Th; bà Nguyễn Thị Z; bà Nguyễn Kiều H, ông Nguyễn Thanh B; bà Tôn Thị T1; ông Bằng Hữu C; bà Nguyễn Thị Giáng N1; bà Lê Thị Kim D; ông Võ Chí T2; bà Nguyễn Thị Thùy L; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị Minh N; bà Lê Thị Kim T3; bà Trần Thị T4; bà Phạm Thị T5; bà Võ Thị G; bà Võ Thị Đăng K; bà Phạm Thị Trúc L; ông Tôn Văn T6 và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc D, không yêu cầu gì khác, thống nhất yêu cầu của nguyên đơn bà Ngọc D. Do đó để nghị không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V; bà Nguyễn Diệu T; ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thanh X không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét, ông Nguyễn Văn Đ không thể hiện ý kiến nên đề nghị không xem xét.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điều 27; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 208, 213, 217, 218, 219 Bộ luật Dân sự; các Điều 33, 43 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Luật Đất đai đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Diễm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 17/12/2020 bà Nguyễn Ngọc D có đơn về việc xác định tải sản để thi hành án của bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H. Ngày 25/12/2020 Tòa án thụ lý việc dân sự và xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý việc dân sự Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định nhưng có đương sự vắng mặt, không thể hiện ý kiến nên xác định có tranh chấp xảy ra. Ngày 25/01/2021 Tòa án có Quyết định số 02/2021/QĐST-DS chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự để giải quyết. Tại phiên tòa xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Diện tích đất có tranh chấp tọa lạc tại xã Khánh Hưng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự V, bà Đặng Thị Y, ông Bằng Hữu Đ, bà Nguyễn Kiều H, ông Nguyễn Thanh B, ông Võ Chí T2, bà Phạm Thị T5, bà Võ Thị G, ông Tôn Văn T6, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hiếu H, bà Ngô Thị Đ, bà Nguyễn Diệu T, bà Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Văn Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện

[3.1] Đối với các diện tích đất thổ cư và căn nhà trên đất

[3.1.1] Đối với diện tích 80m^2, đất ở tại nông thôn, thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 184192 ngày 30/12/2011. Xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 14/11/1998 UBND huyện V có quyết định số 470/1998/QĐ.UB về việc giao quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở cho hộ ông bà Nguyễn Hiếu H, kèm theo quyết định có 02 biên lai thu tiền (ngày 19/5/1998 ông Hiền nộp 9.000.000 đồng, ngày 23/7/1998 ông H nộp 3.000.000 đồng) đến ngày 22/7/2011 ông H là đại diện hộ gia đình có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 06/10/2011 có đơn đề nghị giao đất và đến ngày 30/12/2011 UBND huyện V đã cấp giấy CN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Hiếu H.

[3.1.2] Đối với diện tích 80m^2, đất ở, thửa số 23, tờ bản đồ số 11-8 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 411076 ngày 30/6/2017. Xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 10/5/2017 ông Nguyễn Hiếu H có đơn xin xác nhận về việc thu tiền sử dụng đất trên CDC G với biên lai số 254162 số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng vào ngày 17/5/2005. Ngày 25/5/2017 hộ ông Nguyễn Hiếu H do ông H ký đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 27/6/2017 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V có tờ trình số 140/TTr-TNMT về việc giao đất ở tại nông thôn cho hộ ông Nguyễn Hiếu H, ngày 30/6/2017 UBND huyện có quyết định số 1898/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ ông Nguyễn Hiếu H.

[3.1.3] Tại Công văn số 11/CV-CAX ngày 01/8/2021 của Công an xã K thể hiện: Ngày 08/01/1992 ông Nguyễn Hiếu H, sinh năm 1970 đăng ký thường trú tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An cùng vợ là bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1978; em ruột là ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1976 và con gái là Nguyễn Diệu T, sinh năm 1995 do ông H là chủ hộ. Vào các thời điểm tháng 11/1998, tháng 5/2005, tháng 12/2011, tháng 6/2017 cả 4 nhân khẩu trên thuộc hộ gia đình ông Nguyễn Hiếu H sinh sống tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

[3.1.4] Ông Nguyễn Hiếu H và bà Ngô Thị Đ có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2002 tại UBND xã K xác định hai thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng. Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Diệu T không thể hiện ý kiến mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Căn cứ biên bản

về việc giải quyết thi hành án ngày 12/11/2020 thể hiện ông Nguyễn Thanh B là em ruột của ông Nguyễn Hiếu H và Nguyễn Hiếu T là con ông Nguyễn Hiếu H và bà Ngô Thị Đ thì ông B và bà T thừa nhận toàn bộ tài sản do ông H và bà Đ đứng tên trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng là tài sản riêng của ông H và bà Đ gồm các thửa đất 129, 880, 305, 306, 5, 23. Trong trường hợp Chi cục Thi hành án dân sự V xử lý các tài sản trên để thi hành án thì đề nghị liên hệ trực tiếp với ông H và bà Đ để giải quyết. Ông bà không yêu cầu quyền lợi, nghĩa vụ của mình đối với tất cả các tài sản trên. Đồng thời, cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Nên có căn cứ khẳng định diện tích đất tại thửa 23, 5 và căn nhà trên đất được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông H nên xác định mỗi người được quyền sử dụng, sở hữu ½ giá trị.

[3.2] Đối với các diện tích đất lúa

[3.2.1] Đối với diện tích 11.294m^2 đất lúa, thửa số 129, tờ bản đồ số 7 tại ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 180615 ngày 07/10/1996. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 139-2021 ngày 30/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V). Xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/1995 của ông Nguyễn Hiếu H thể hiện diện tích đề nghị được cấp là 22.751m^2 có nguồn gốc sử dụng là do Đoàn I cấp năm 1990 đến ngày 07/10/1996 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2.2] Tại Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 14/10/2009 của UBND huyện V về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Hiếu H với diện tích 8.223m^2 thuộc một phần thửa số 129, tờ bản đồ số 07, lý do thu hồi để thi công công trình Kênh T10 và Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 09/6/2011 của UBND huyện V về việc thu hồi đất trong đó phần đất thu hồi của ông Nguyễn Hiếu H tại thửa 129 là 2.777m^2. Diện tích 129 còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11.751m^2 theo nội dung điều chỉnh ngày 02/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V nên có căn cứ khẳng định đây là tài sản riêng của ông H.

[3.2.3] Đối với diện tích 4.798m^2 đất lúa, thửa số 305, tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 664891 ngày 17/11/2009. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 72-2021 ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V) và diện tích 4.530m^2 đất lúa, thửa số 306, tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 664890 ngày 17/11/2009. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 73-2021 ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V). Hồ sơ thể hiện đất có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn K theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 04/11/2009, ông H trình bày số tiền nhận chuyển nhượng là do nhận tiền đền bù khi bị thu hồi 01 phần diện tích đất 129 để làm kênh KT10 và theo phiếu chi ngày 17/6/2009 của Ban quản lý dự án huyện thể hiện ông H nhận số tiền 110.000.000 đồng. Ông H

và bà Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2002 và có 01 con chung là Nguyễn Diệu T sinh năm 1995. Tuy nhiên các đương sự thống nhất đây là tài sản riêng của ông H nên lời trình bày diện tích đất tại thửa 305, 306 là tài sản riêng của ông H là có cơ sở.

[3.4] Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/01/2021 gồm có nguyên đơn bà D, bị đơn ông H và những người được thi hành án gồm ông B, bà T4, ông C, bà K, bà T4, bà H, bà Y, bà Th thống nhất xác định tài sản chung của bà Đ và ông H là thửa đất thổ cư số 23, thửa đất thổ cư số 5 và căn nhà trên đất. Còn tài sản riêng của ông H là thửa đất 129, 305, 306. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người được thi hành án đều thống nhất xác định như trên.

[3.5] Từ những phân tích về nguồn gốc các diện tích đất tại thửa 23, 5, 129, 305, 306 và sự thống nhất của các đương sự thì có căn cứ để xác định tài sản chung giữa bà Đ và ông H là thửa đất thổ cư số 23 và thửa đất thổ cư số 5 cùng căn nhà trên đất, mỗi người có quyền sử dụng ½. Còn diện tích đất tại thửa 129 và 305, 306 là tài sản riêng của ông H. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D có căn cứ và chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[3.6] Đối với diện tích 2.581m^2 đất lúa, thửa số 880 theo Mảnh trích đo địa chính số 75-2021 ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V thì theo nội dung điều chỉnh ngày 02/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V diện tích 129 còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11.751m^2 và Mảnh trích đo địa chính số 139-2021 ngày 30/12/2021 đã thay thế cho Mãnh trích đo số 75, 76 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V duyệt ngày 08/6/2021. Hơn nữa theo Công văn số 456/QLDA ngày 05/8/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V thể hiện năm 2009 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và hỗ trợ thiệt hại về đất đai tài sản đối với các hộ dân mất đất theo chủ trương của UBND tỉnh để triển khai thi công xây dựng công trình kênh T10. Trong đó, hộ ông Nguyễn Hiếu H bị Nhà nước thu hồi đất với tổng diện tích là 11.000m^2 tại thửa 129 và ông H đã nhận 110.000.000 đồng vào ngày 17/6/2009. Nên có căn cứ khẳng định diện tích 2.581m^2 đất lúa thửa số 880 (tách ra từ thửa 129 theo nội dung điều chỉnh ngày 27/6/2014) không còn thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hiếu H và các đương sự không yêu cầu xem xét nữa nên Tòa án không giải quyết.

[3.7] Đối với bà Nguyễn Thanh X và ông Nguyễn Văn Đ là người đang sử dụng các diện tích lúa tại các thửa 129, 305, 306 nhưng không yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Tổng số tiền 8.303.000 đồng, số tiền này bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H phải chịu. Bà Nguyễn Ngọc D đã tạm ứng 1.000.000 đồng, ông Nguyễn Thanh T đã tạm ứng 7.303.000 đồng nên bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D 1.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Thanh T 7.303.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc D được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H phải chịu án phí không có giá ngạch (300.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 208, 210, 217, 218, 219 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 43 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 166, 170 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu xác định tài sản để thi hành án đối với bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H.

- Xác định bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H mỗi người được quyền sử dụng ½ (một phần hai) đối với diện tích:

+ Diện tích 80m^2, đất ở tại nông thôn, thửa số 23, tờ bản đồ số 11-8 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 411076 ngày 30/6/2017.

+ Diện tích 80m^2, đất ở tại nông thôn, thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 184192 ngày 30/12/2011.

- Xác định bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H mỗi người được quyền sở hữu ½ (một phần hai) căn nhà xây (kết cấu nền gạch, vách tường, lợp tole) tọa lạc trên diện tích đất 80m^2 thửa số 5, tờ bản đồ số 11-7 nói trên.

- Xác định ông Nguyễn Hiếu H được quyền sử dụng các diện tích đất sau:

+ Diện tích 4.798m^2 đất lúa, thửa số 305, tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 664891 ngày 17/11/2009. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 72-2021 ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V).

+ Diện tích 4.530m^2 đất lúa, thửa số 306, tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 664890 ngày 17/11/2009. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 73-2021 ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V).

+ Diện tích 11.294m^2 đất lúa, thửa số 129, tờ bản đồ số 7 tại ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Long An được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 180615 ngày 07/10/1996. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 139-2021 ngày 30/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H chịu tổng số tiền 8.303.000 đồng. Bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D 1.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Thanh B 7.303.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 25/12/2020 theo biên lai thu số 0002794.

Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The